

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel: (84-4) 8241990 /1.

Fax: (84-4) 8253973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:

63 Trần Khánh Dư, Quận 1

TP Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 5265796 / 7

Fax: (84-8) 8435590

E-mail: aaschcm@aasc.com.vn

VPDD tại Quảng Ninh:

Cột 2, Đường Nguyễn Văn Cừ,

TP Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: (84-33) 627571

Fax: (84-33) 627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE

INPACT

INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo Kiểm toán	6
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7-25
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC - được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 053127 ngày 17/7/1995. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015824 ngày 07/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 26/03/2007.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 cấp lần đầu và các lần thay đổi là:

- ❖ Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình;
- ❖ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- ❖ Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- ❖ Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- ❖ Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- ❖ Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- ❖ Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại 29 Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Tuy nhiên, theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 22/03/2007 thông qua vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, số cổ phiếu bán ra trong năm 2007 là 34.000.000 cổ phiếu tương đương với 340.000.000.000 đồng, đến thời điểm 31/12/2007 Công ty chưa có Đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ mới đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đơn vị thành viên

Tên	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ sở hữu vốn trong tổng số vốn	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC			Số 134 – 134A Lê Hồng Phong – Phường 3 – Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ sở hữu vốn trong tổng số vốn	Trụ sở
Công ty TNHH Máy tính CMS (CMS)	50.000.000.000 VND	100%	Số 118 CT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình, Hà Nội
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm CMC (CMC soft)	20.000.000.000 VND	99,9%	Số 16 – Hàm Long – Hai Bà Trưng – HN
Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống CMC (CSI)	50.000.000.000 VND	99,96%	Số 29 - Hàn Thuyên – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Công ty TNHH Phân Phối CMC	50.000.000.000 VND	100%	Số 10 – Lô 1B- Trung Hòa – Cầu Giấy Hà Nội
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông CMC	100.000.000.000 VND	71,4%	Số 273 – Đội Cấn – Ba Đình Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 71.675.162.617 VND.

Lãi lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 là 71.107.539.910 VND (tại thời điểm 06 tháng 02 năm 2007 lãi lũy kế là 14.858.634.422 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đăng ký kinh doanh số 0104002739 ngày 04/03/2008 và Giấy đăng ký kinh doanh số 0104002792 ngày 11/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống CMC (CSI) được chuyển thành Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC và Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm CMC (CMC soft) được chuyển thành Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

1. Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2007
2. Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2007
3. Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007
4. Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007
5. Ông Nguyễn Kim Cương	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007

6. Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 21 tháng 03 năm 2007
7. Ông Hà Thế Phương	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 21 tháng 03 năm 2007 miễn nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2007
8. Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2007
9. Ông Vũ Văn Tiền	Ủy viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2007

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

1. Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2007
2. Ông Hoàng Xuân Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2007

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Nguyễn Đức Khương	Trưởng BKS	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007
2. Tạ Hoàng Linh	Ủy viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007
3. Ngô Tuấn Anh	Ủy viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2007 miễn nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2007
4. Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2007

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy

định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo phản ánh trung thực, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 của Công ty.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2008.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2008

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hà Thế Minh

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính



Số: 318/BC.TC – AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC*

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được lập ngày 31 tháng 03 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 07 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2008

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên


Trần Quang Mậu
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	07/02/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		935.239.378.359	334.783.459.884
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		93.125.904.662	50.350.862.203
1. Tiền	111	03	93.125.904.662	50.350.862.203
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		244.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	244.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		452.171.604.831	192.231.970.913
1. Phải thu khách hàng	131		414.166.113.244	147.680.204.459
2. Trả trước cho người bán	132		25.150.924.508	25.379.533.990
5. Các khoản phải thu khác	135	05	13.033.181.360	19.350.846.745
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(178.614.281)	(178.614.281)
III. Hàng tồn kho	140		129.668.136.876	83.461.646.868
1. Hàng tồn kho	141	06	131.306.594.525	85.039.414.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.638.457.649)	(1.577.767.316)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.773.731.990	8.738.979.900
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			81.822.495
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	07	3.348.651.023	1.728.579.723
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	07	32.246.000	436.531.588
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	12.392.834.967	6.492.046.094
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.512.653.847	17.495.812.170
II. Tài sản cố định	220		20.112.295.316	10.562.084.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	5.017.497.014	6.454.082.815
- Nguyên giá	222		12.911.528.717	16.386.664.211
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.894.031.703)	(9.932.581.396)
3. Tài sản cố định vô hình	227	09	32.083.107	20.411.502
- Nguyên giá	228		39.081.307	20.994.688
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.998.200)	(583.186)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	15.062.715.195	4.087.590.318
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.877.044.400	2.205.044.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.877.044.400	2.205.044.400
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.523.314.131	4.728.683.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.369.816.799	4.588.149.532
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.153.497.332	140.533.603
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		969.752.032.206	352.279.272.054

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	07/02/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		303.497.129.829	279.208.267.006
I. Nợ ngắn hạn	310		302.806.584.170	279.050.041.386
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	104.866.329.697	198.603.742.852
2. Phải trả người bán	312		124.703.734.309	42.995.103.458
3. Người mua trả tiền trước	313		15.404.334.456	4.960.267.210
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	26.177.055.301	9.007.435.639
5. Phải trả người lao động	315		2.657.131.070	2.632.771.891
6. Chi phí phải trả	316	15	17.177.435.067	1.321.422.825
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	11.820.564.270	19.529.297.511
II. Nợ dài hạn	330		690.545.659	158.225.620
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	319.200.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		371.345.659	158.225.620
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		666.254.902.377	73.071.005.048
I. Vốn chủ sở hữu	410		658.944.519.910	64.962.456.226
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	340.000.000.000	50.103.821.804
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	248.000.000.000	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	18	(163.020.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	71.107.539.910	14.858.634.422
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		3.896.760.762	82.473.000
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.896.760.762	82.473.000
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	500		3.413.621.705	8.026.075.822
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		969.752.032.206	352.279.272.054

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

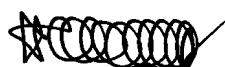
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	07/02/2007
3. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			316.137,78	32.261,19
- GBP			168,03	165,660
- \$S			705,670	705,670
- EUR			80,16	80,160

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hưng
Kế toán trưởng

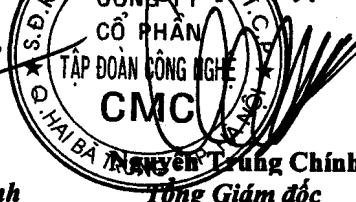
Người kiểm tra



Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Hết kỳ 31 tháng 03 năm 2008

Người phê duyệt



Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	07/02-31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	01	19	1.117.855.455.318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	54.684.710.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.063.170.744.351
4. Giá vốn hàng bán	11	21	877.934.535.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.236.208.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	13.187.903.686
7. Chi phí tài chính	22	23	17.161.372.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.271.706.095
8. Chi phí bán hàng	24		69.814.096.794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.180.964.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		87.267.678.855
11. Thu nhập khác	31		5.581.332.138
12. Chi phí khác	32		3.960.834.079
13. Lợi nhuận khác	40		1.620.498.059
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.888.176.914
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	17.213.014.297
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		71.675.162.617
17.1. Lợi ích cổ đông thiểu số			(279.707.691)
17.2. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ			71.954.870.308
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		25	3.246
(*) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nội bộ			1.473.759.762.231

Ghi chú

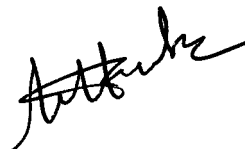
Kể từ ngày 07/02/2007 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, Báo cáo kết quả kinh doanh được lập cho kỳ kế toán từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 nên không có số liệu kỳ trước để so sánh.

Người lập biểu:



Nguyễn Việt Hưng
Kế toán trưởng

Người kiểm tra



Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

Người phê duyệt



Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Theo phương pháp trực tiếp
Cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến 31/12/2007

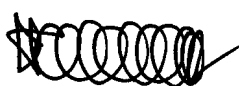
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	07/02-31/12/2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.070.586.136.712
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(961.861.993.626)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.758.993.839)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(16.263.685.835)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.690.744.619)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		456.310.149.356
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(645.722.324.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(135.401.456.014)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.315.830.458)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.710.882.335
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(394.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.528.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.623.460.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(251.153.488.094)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		541.556.178.196
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.163.020.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		584.312.406.459
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(677.730.619.614)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.663.973.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		429.310.971.357
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		42.756.027.249
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.350.862.203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.015.210
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		93.125.904.662

Ghi chú

Kể từ ngày 07/02/2007 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007 nên không có số liệu kỳ trước để so sánh.

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hưng
Kế toán trưởng

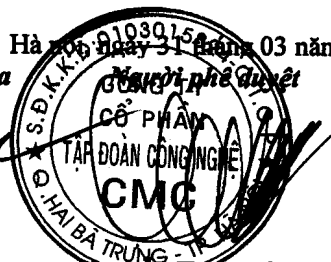
Người kiểm tra



Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2008

Người phê duyệt



Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 07/02/2007 đến ngày 31/12/2007

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC - được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 053127 ngày 17/7/1995. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015824 ngày 07/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 26/03/2007.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh điện tử..

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 cấp lần đầu và các lần thay đổi là:

- ❖ Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình;
- ❖ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- ❖ Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- ❖ Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- ❖ Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- ❖ Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- ❖ Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại 29 Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Đơn vị trực thuộc

Tên	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ sở hữu vốn trong tổng số vốn	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC			Số 134 – 134A Lê Hồng Phong – Phường 3 – Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con được hợp nhất

Tên	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ sở hữu vốn trong tổng số vốn	Trụ sở
Công ty TNHH Máy tính CMS (CMS)	50.000.000.000 VND	100%	Số 118 CT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình, Hà Nội
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm CMC (CMC soft)	20.000.000.000 VND	99,9%	Số 16 – Hàm Long – Hai Bà Trưng – HN
Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống CMC (CSI)	50.000.000.000 VND	99,96%	Số 29 - Hàn Thuyên – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Công ty TNHH Phân Phối CMC	50.000.000.000 VND	100%	Số 10 – Lô 1B- Trung Hòa – Cầu Giấy Hà Nội
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông CMC	100.000.000.000 VND	71,4%	Số 273 – Đội Cấn – Ba Đình Hà Nội

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3-4 năm
- Phương tiện vận tải	5-6 năm
- Thiết bị văn phòng	3-5 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Trong kỳ Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa đủ chứng từ, hóa đơn được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần cứng, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%/năm.

Đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, đơn vị được áp dụng thuế suất 10%/năm đến năm 2009 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2005 đến năm 2013, theo công văn trả lời số 136/TCT-DNK ngày 14/04/2006 của Tổng Cục thuế.

Đối với Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Máy tính Thế Trung: Năm 2003, Công ty đầu tư và xây dựng mới một nhà máy sản xuất, lắp ráp máy vi tính. Theo Công văn trả lời số 2985/TCT-DNK ngày 30/8/2005 của Tổng cục thuế, đơn vị được miễn thuế 1 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại trong 4 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm thứ 3 đơn vị được miễn giảm 50% số thuế của phần thu nhập tăng thêm.

Nguyên tắc hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được lập dựa trên phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đối với Công ty con được hợp nhất dựa trên cơ sở các tính toán giá trị của Công ty mẹ và của Cổ đông thiểu số. Các chỉ tiêu về tài sản, nợ phải trả được tính toán và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

53
TƯ
HỮU
TƯ
KH
KI
NIEM
V KIP

3 . Tiền

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.842.176.241	34.201.779.226
Tiền gửi ngân hàng	86.283.728.421	16.149.082.977
Cộng	93.125.904.662	50.350.862.203

4 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	244.500.000.000	-
Cho vay	139.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	105.000.000.000	-
Cộng	244.500.000.000	

5 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Phải thu khác	12.906.634.529	16.265.933.289
Phải trả khác dư nợ	126.546.831	3.084.913.456
Cộng	13.033.181.360	19.350.846.745

6 . Hàng tồn kho

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	782.001.614	1.828.751.907
Nguyên liệu, vật liệu	40.816.204.311	10.714.940.171
Công cụ, dụng cụ	261.332.316	330.141.054
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.113.556.069	11.985.729.495
Thành phẩm	21.139.988.206	20.454.182.675
Hàng hóa	49.735.945.711	38.108.802.352
Hàng gửi đi bán	5.457.566.298	1.616.866.530
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	131.306.594.525	85.039.414.184

7 . Các khoản thuế phải thu

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	32.246.000	436.531.588
- Thuế GTGT phải nộp (dư Nợ)	-	167.871.732
- Thuế xuất, nhập khẩu (dư Nợ)	32.246.000	214.342.017
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (dư Nợ)	-	49.317.839
- Thuế khác (dư Nợ)	-	3.000.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (dư Nợ)	-	2.000.000
Cộng	32.246.000	436.531.588

8 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2007 VND	07/02/2007 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	20.948.619	-
Tạm ứng	5.895.315.256	3.896.620.821
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	6.476.571.092	2.595.425.273
Ngân hàng Đông Nam Á	508.057.183	-
Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	1.246.628.700	17.495.812.170
Trường Đại học Sư phạm KT TP HCM	800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	285.091.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM	1.731.640.820	-
Khác	1.905.153.389	-
Cộng	12.392.834.967	6.492.046.094

9 . Tăng, giảm tài sản cố định

9.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ				
1 Số dư đầu kỳ	7.505.838.732	4.812.330.829	4.068.494.650	16.386.664.211
2 Số tăng trong kỳ	3.492.777.185	-	1.829.841.877	5.322.619.062
- Mua sắm mới	3.492.777.185	-	1.767.034.778	5.259.811.963
- Xây dựng mới			62.807.099	62.807.099
3 Số giảm trong kỳ	5.592.953.164	2.118.282.236	1.086.519.156	8.797.754.556
- Thanh lý	4.755.895.168	2.118.282.236	840.775.592	7.714.952.996
- Giảm do điều chuyển	837.057.996		245.743.564	1.082.801.560
4 Số cuối kỳ	5.405.662.753	2.694.048.593	4.811.817.371	12.911.528.717
II Giá trị hao mòn lũy kế				
1 Số đầu kỳ	4.568.015.751	2.740.560.263	2.624.005.382	9.932.581.396
2 Khấu hao trong kỳ	1.140.016.470	468.965.424	1.205.555.633	2.814.537.527
3 Giảm trong kỳ	2.947.059.276	913.638.160	992.389.784	4.853.087.220
- Thanh lý	2.233.440.608	913.638.160	746.646.220	3.893.724.988
- Giảm khác	713.618.668	-	245.743.564	959.362.232
4 Số cuối kỳ	2.760.972.945	2.295.887.527	2.837.171.231	7.894.031.703
III Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu kỳ	2.937.822.981	2.071.770.566	1.444.489.268	6.454.082.815
2 Tại ngày cuối kỳ	2.644.689.808	398.161.066	1.974.646.140	5.017.497.014

9.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ		
1 Số dư đầu kỳ	20.994.688	20.994.688
2 Số tăng trong kỳ	18.086.619	18.086.619
- Mua sắm mới	18.086.619	18.086.619
3 Số giảm trong kỳ	-	-
4 Số cuối kỳ	39.081.307	39.081.307
II Giá trị hao mòn lũy kế		
1 Số đầu kỳ	583.186	583.186
2 Khấu hao trong kỳ	6.415.014	6.415.014
3 Giảm trong kỳ	-	-
4 Số cuối kỳ	6.998.200	6.998.200
III Giá trị còn lại		
1 Tại ngày đầu kỳ	20.411.502	20.411.502
2 Tại ngày cuối kỳ	32.083.107	32.083.107

10 . Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2007 VND	07/02/2007 VND
Chi phí XD CB dở dang	15.062.715.195	4.087.590.318
- Xây dựng tòa nhà tri thức	15.062.715.195	3.812.288.182
- Công trình nhà máy sản xuất	-	240.573.086
Cộng	15.062.715.195	4.087.590.318

11 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2007 VND	07/02/2007 VND
- Mua cổ phiếu Haseco	-	1.528.000.000
- Góp vốn vào Công ty Vijasgate	627.044.400	627.044.400
- Đầu tư trái phiếu	50.000.000	50.000.000
- Mua cổ phần Đại học Quốc tế Bắc Hà	2.000.000.000	-
- Tạm ứng 5% cổ phiếu Bảo Việt	200.000.000	-
Cộng	2.877.044.400	2.205.044.400

12 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
+ Tiền thuê đất dài hạn khu Hanel (*)	3.428.509.090	3.428.509.090
+ Tiền thuê nhà	400.152.045	-
+ Chi phí thuê nhà xưởng	313.740.000	-
+ Phí mua voucher	22.405.746	-
+ Công cụ dụng cụ	4.101.999.209	1.159.640.442
+ Chi phí trả trước cho liên doanh	561.347.863	-
+ Chi phí trả trước dự án Compulink	247.398.000	-
+ Chi phí trả trước dự án CMMI	600.121.730	-
+ Chi phí phục vụ lễ khai trương công ty	275.086.450	-
+ Chi phí khác	56.391.495	-
+ Chi phí sửa chữa, lắp đặt văn phòng	362.665.171	-
Cộng	10.369.816.799	4.588.149.532

(*) - Đây là khoản tiền thuê lô đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B của Công ty CMS đã trả cho Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel) - chủ đầu tư lô II, III thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Sài Đồng B" - theo hợp đồng thuê đất số 42 HĐ/TLĐ ngày 17/9/2004 và Phụ lục hợp đồng ngày 29/9/2004 để chuẩn bị thực hiện dự án "Xây dựng Trụ sở làm việc và nhà máy CMS". Đến nay chủ đầu tư dự án - Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel) đã được chuyển giao sang Công ty TNHH Thương mại Him Lam để đầu tư dự án "Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội" theo công văn số 4743/UBND-KHĐT ngày 31/8/2007 của UBND Thành phố Hà Nội. Do vậy hồ sơ dự án trên của Công ty CMS hiện vẫn đang được Ban quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội xem xét.

13 . Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Vay ngắn hạn	104.866.329.697	198.603.742.852
Cộng	104.866.329.697	198.603.742.852

(Đơn vị tính: VND)

Hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn/tháng	Nguyên tệ	Số nợ gốc phải trả kỳ tới (VND)
Vay USD	Ngân hàng đầu tư và Phát triển VN	6,7%/năm	9	140.055,30	226.487.104
Vay USD	Ngân hàng đầu tư và Phát triển VN	7,0%/năm	5	1.239.512,56	19.973.505.392
Vay USD	NH NN&PTNT Việt Nam	6,7%/năm	6	440.618,40	7.100.124.898
Vay USD	Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	6,5%/năm	6	1.990.861,97	32.080.749.785
Vay USD	Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	6,6%/năm	6	1.697.109,46	27.347.221.838
Vay USD	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	6,6%/năm	6	467.916,00	7.539.998.424
Vay USD	Nguyễn Phước Hải	6,0%/năm	6	76.000,00	1.224.664.000
Vay USD	Phạm Duy Phong	6,0%/năm	6	143.000,00	2.304.302.000
Vay USD	Phạm Đức Chung	6,0%/năm	6	5.300,00	85.404.200
Vay USD	Nguyễn Mỹ Hương	6,0%/năm	6	354.500,00	5.712.413.000
Vay USD	Lương Thị Lưu	6,0%/năm	6	10.000,00	161.140.000
Vay USD	Trương Minh Tâm		6	68.904,00	1.110.319.056
	Cộng			6.633.851,69	104.866.329.697

14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Thuế phải nộp Nhà nước	26.117.492.485	8.553.882.687
- Thuế GTGT	5.220.553.573	2.060.393.236
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.266.764.634	3.327.872.954
- Thuế TNDN	16.596.970.098	2.950.314.539
- Thuế thu nhập cá nhân	1.033.204.180	215.301.958
- Các khoản phí, lệ phí	55.164.416	-
- Các khoản phải nộp khác	4.398.400	453.552.952
Cộng	26.177.055.301	9.007.435.639

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Chi phí phải trả	17.177.435.067	1.321.422.825
Chi phí triển khai thực hiện hợp đồng	4.073.380.057	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	8.020.260	-
Chi phí phải trả khác	13.096.034.750	1.321.422.825
Cộng	17.177.435.067	1.321.422.825

16 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	18.710.190	67.996.302
Bảo hiểm xã hội	75.590.398	573.524.375
Kinh phí công đoàn	639.883.903	441.853.258
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.086.379.779	3.091.332.514
Phải trả khác của CMS	10.632.439.115	-
Phải trả khác của TNHH phân phối CMC	59.746.842	-
Khác	394.193.822	-
Phải thu khác dư có	-	15.354.591.062
Cộng	11.820.564.270	19.529.297.511

17 . Các khoản vay và nợ dài hạn

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Vay ngân hàng	319.200.000	-
Cộng	319.200.000	-

Đơn vị tính: VND

Hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm
12.081.000.46545	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	11,6%	96 tháng	118.000.000.000	319.200.000	-	
	Cộng			118.000.000.000	319.200.000	-	

18 . Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Kỳ trước					
1. Số dư 01/01/07	50.103.821.804	-		14.205.959.207	64.309.781.011
2. Số tăng trong kỳ			-	652.675.215	652.675.215
- Lãi trong kỳ trước				652.675.215	652.675.215
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-
4. Số dư 06/02/07	50.103.821.804	-	-	14.858.634.422	64.962.456.226
Kỳ này					
1. Số dư 07/02/07	50.103.821.804	-	-	14.858.634.422	64.962.456.226
2. Số tăng trong kỳ	289.896.178.196	248.000.000.000	(163.020.000)	71.954.870.308	609.688.028.504
- Lãi trong năm				71.954.870.308	71.954.870.308
- Tăng vốn	289.896.178.196	248.000.000.000	-		537.896.178.196
- Tăng khác			(163.020.000)	-	(163.020.000)
3. Số giảm trong kỳ		-	-	15.705.964.820	15.705.964.820
- Phân phối lợi nhuận 2006				10.203.353.571	10.203.353.571
- Trích lập quỹ KTPL 2006				3.846.902.630	3.846.902.630
- Trích lập quỹ KTPL 2007				1.500.720.213	1.500.720.213
- Nộp thuế bổ xung 2006				154.988.406	154.988.406
4. Số dư 31/12/07	340.000.000.000	248.000.000.000	(163.020.000)	71.107.539.910	658.944.519.910

b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

	31/12/2007	07/02/2007
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.473.000	132.693.000
Tăng trong kỳ	5.649.697.293	-
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	5.347.622.843	
Thu bổ sung từ CBCNV	302.074.450	
Giảm trong kỳ	1.835.409.531	50.220.000
Số dư cuối kỳ	3.896.760.762	82.473.000

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	07/02-31/12/2007
	VND
- Doanh thu bán hàng	982.094.550.580
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	135.760.904.738
Cộng	1.117.855.455.318

20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	07/02-31/12/2007
	VND
Chiết khấu thương mại	425.928.994
Hàng bán bị trả lại	53.836.696.495
Giảm giá hàng bán	422.085.478
Cộng	54.684.710.967

21 . Giá vốn hàng bán

	07/02-31/12/2007
	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	825.921.919.733
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.012.616.146
Cộng	877.934.535.879

22 Doanh thu hoạt động tài chính

	07/02-31/12/2007
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	8.612.496.803
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.881.702.147
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	530.481.908
Lãi chậm thanh toán	2.163.222.828
Cộng	13.187.903.686

23 . Chi phí tài chính

	07/02-31/12/2007
	VND
Lãi vay	16.271.706.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	475.032.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	257.979.428
Lãi chậm thanh toán	156.653.980
Cộng	17.161.372.172

24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	07/02-31/12/2007
	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.213.014.297
Cộng	17.213.014.297

25 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

07/02-31/12/2007

	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.675.162.617
Điều chỉnh giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(279.707.691)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71.954.870.308
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.166.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.246

26 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

07/02-31/12/2007

	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.083.252.737
Chi phí nhân công	32.319.188.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.560.275.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.490.427.879
Chi phí khác bằng tiền	28.653.078.913
Cộng	309.106.222.888

27 . Những thông tin khác

Thông tin khác

Trong năm đơn vị thực hiện đầu tư góp vốn thành lập 2 công ty: Công ty TNHH Phân phối CMC với số vốn góp là: 50.000.000.000 VND chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC với số vốn góp theo đăng ký kinh doanh là: 71.400.000.000 VND chiếm 71,4% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2007 Công ty đã góp đủ vào Công ty TNHH Phân phối CMC và góp được 3.570.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông, đối tượng khác góp 3.660.000.000 VND.

Thông tin về tình hình kinh doanh của các đơn vị trực thuộc

Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2007

	VND
Công ty TNHH Máy tính CMS (CMS)	11.052.395.332
Công ty CP Giải pháp Phần mềm (CMC soft)	8.667.512.798
Công ty CP Tích hợp Hệ thống CMC (CSI)	19.044.803.832
Công ty TNHH Phân Phối CMC	72.122.712
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC	(591.421.288)
Cộng	38.245.413.386

Các cam kết và các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo đăng ký kinh doanh số 0104002739 ngày 04/03/2008 và Giấy đăng ký kinh doanh số 0104002792 ngày 11/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống CMC (CSI) được chuyển thành Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC và Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm CMC (CMC soft) được chuyển thành Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tổng giá trị các giao dịch cho Công ty vay trong kỳ	225.494.196.000
		Tổng giá trị tiền vay Công ty trả trong kỳ	(225.494.196.000)
		Mua lại xe ô tô của Công ty	415.978.000
		Trả tiền mua xe Công ty	(415.978.000)
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty	Tổng giá trị các giao dịch cho Công ty vay trong kỳ	71.994.259.000
		Tổng giá trị tiền vay Công ty trả trong kỳ	(71.994.259.000)
		Mua lại xe ô tô của Công ty	788.667.000
		Trả tiền mua xe Công ty	(788.667.000)
Công ty CP XNK Tổng hợp	Công ty chiếm 15% cổ phần	Cho vay tiền	288.000.000.000
		Thu tiền vay	(150.000.000.000)

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị các khoản phải thu (phải trả) (VND)
Công ty CP XNK Tổng hợp	Chiếm 15% cổ phần Công ty	Cho vay	138.000.000.000

Số liệu so sánh

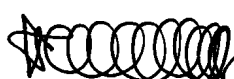
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2007 đến ngày 06/02/2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

Hà nội, ngày 31 tháng 03 năm 2008

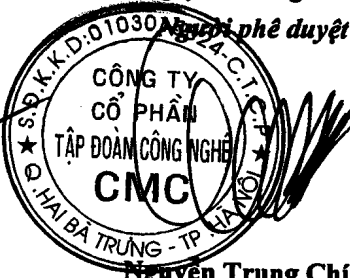
Người lập biểu

Người kiểm tra

Người phê duyệt







Nguyễn Việt Hưng
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn
Giám đốc tài chính

Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

